| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 23/2019/QĐST-DS | *Trà Ôn, ngày 19 tháng 6 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN GIỮA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2019, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 273/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018.

Căn cứ vào Bản ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị D ngày 11/6/2019, nộp cho Tòa án ngày 11/6/2019.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành và được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1954.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1.Ông Lê Văn B, sinh năm 1965

2.Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971

Người đại diện hợp pháp cho ông B: Bà Nguyễn Thị L- đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/3/2019)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961

2.Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2.2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ nộp ½ án phí bằng 312.500đ (*Ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*) nhưng được miễn do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới nộp ½ án phí bằng 312.500đ (*Ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THA DS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
**(Đã ký)**

**Lâm Triệu Hữu**